TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/DSPT
Ngày: 08-8-2019
V/v: tranh chấp giao dịch dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLPT - DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về "*Tranh chấp giao dịch dân sự* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2019/QĐXX -PT ngày 01 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thanh Minh N**, sinh năm 1964.

Cư trú: Số 1379/6, tổ 6, khóm 2, phường Cái V, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Ng là chị Phạm Diễm Th, sinh năm 1980.Cư trú: Tổ 01, khóm 4, phường Thành Ph, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1954.

Cư trú: Tổ 12, khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Bạch Thị M**, sinh năm 1960.

Cư trú: Số 11/21, khóm 1, phường Cái V, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1966.

Cư trú: Tổ 7, khóm 3, phường Cái V, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thanh Minh Ng trình bày:

Bà có cho bà N mượn các khoản tiền vào thời gian như sau: Ngày 07/4/2014, số tiền là 25.000.000đồng, ngày18/4/2014 số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng cộng bà Nh mượn hai lần là 45.000.000 đồng có làm biên nhận do bà N tự viết. Đến ngày 18/4/2014, bà N còn nợ bà số tiền 36.000.000 đồng là tiền hụi chết đã mãn nhưng bà N không trả cho bà, tổng cộng tiền vay và tiền hụi số tiền là 81.000.000 đồng.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà số tiền 81.000.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất 1%/tháng, tạm tính từ ngày 18/4/2014 đến ngày 08/12/2017 là 45.090.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật nhưng sau đó bà rút lại yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản khai ngày 24 tháng 7 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà Nguyệt cho rằng bà mượn tiền hai lần vào ngày 07/4/2014 và 18/4/2014 với số tiền 45.000.000 đồng là không đúng. Bà có thiếu số tiền 45.000.000 đồng mượn 03 lần gồm: Ngày 26/12/2014 (âm lịch) mượn 20.000.000 đồng, đóng lãi ngày 200.000 đồng. Ngày 20/01/2015 (âm lịch) mượn thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng, đóng lãi ngày 300.000 đồng. Đến ngày 24/02/2015 mượn thêm 15.000.000 đồng, tổng cộng là 45.000.000 đồng, đóng lãi ngày 400.000 đồng, việc bà mượn tiền 03 lần là thỏa thuận miệng, không có biên nhận nợ, giấy nợ bà Nguyệt cung cấp cho Tòa án là do bà Ng tự viết, bà không có làm biên nhận và không có ký tên, số tiền bà mượn là để mua gà giao cho bà Bạch Thị M, bà M nợ tiền gà của bà và nợ tiền của bà Nguyệt nên đến năm 2016 bà giao số tiền này bà M trả cho bà N thì bà N cũng thống nhất khấu trừ qua bà M để bà M trả cho bà N. Đối với 36.000.000 đồng bà Nguyệt cho rằng bà thiếu tiền hụi chết là không đúng, đây là tiền lãi 03 tháng của số tiền 45.000.000 đồng sau khi trừ qua cho bà M. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Ng vì số tiền nợ bà đã trừ qua cho bà M

Bà Bạch Thị M người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: bà có nợ bà N số tiền gà là 45.000.000 đồng tiền gà, bà N thiếu nợ bà N nên kiêu bà trả số

tiền 45.000.000 đồng cho bà Ng thì giáp mặt 03 người bà N cũng thống nhất nên bà có làm biên nhận trả số tiền trên cho bà N lâu quá bà không nhớ ngày tháng bà giao biên nhận cho bà N giữ, cho nên tại bản án của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh buộc bà trả cho bà Nguyệt 274.000.000 đồng trong số tiền này có 45.000.000 đồng mà bà thiếu bà N nêu trên, nên bà N không còn thiếu tiền bà Nguyệt. Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét vấn đề này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 470, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tỏa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Minh N

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nh trả cho bà Nguyễn Thanh Minh N số tiền vay 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ hụi 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thanh Minh N về việc tính lãi 1% của số tiền 81.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 10/12/2018 bà Nguyễn Thị Hồng N kháng cáo không đồng ý trả tiền cho bà Nguyệt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nhung. Bà N không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N cung cấp thêm chứng cứ là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, Ý kiến kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về nội dung:

Bà Nhung kháng cáo cho rằng bà có nợ bà N 45.000.000đồng. Nhưng số tiền này bà M trả cho bà N thay bà có sự giáp mặt 03 người được sự thống nhất của bà Nguyệt, bà Mảnh trả thay cho bà là vì bà M thiếu tiền mua gà của bà là 45.000.000 đồng và Tòa án nhân dân thị xã Bình M buộc bà M trả cho bà Nguyệt 274.000.000 đồng trong đó có 45.000.000 đồng mà bà M trả thay cho bà đã nêu trên. Đối với 36.000.000 đồng bà Nguyệt cho rằng bà thiếu tiền hụi chết là không đúng, đây là tiền lãi 03 tháng của số tiền 45.000.000 đồng, nên bà không thống nhất yêu cầu của bà N

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N không thống nhất với lời trình bày của bà Nhung, nhưng bà có xuất trình và nộp cho Tòa án biên nhận ngày 23/02/2016 có nội dung "mợ P (bà M) có thiếu chị N tiền gà 45.000.000 đồng qua năm 2017 sẽ góp mỗi ngày 200.000 đồng thành tiền 55.000.000 đồng đến khi góp đủ tiền cho N (bà N)". Đồng thời, tại phiên tòa bà N cũng xác định từ trước đến nay bà với bà Mảnh, bà Nguyễn Thị Bích N không mâu thuẫn với nhau tại bản án số 07/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án thị xã Bình M, thì bà Nguyễn Thị Bích N trình bày trong biên nhận nợ ngày 03/9/2016 bà Mảnh nợ bà Nguyệt 274.000.000 đồng có 45.000.000đồng bà N nợ bà N. Do đó, căn vào biên nhận và lời trình bày của bà Bích N cùng lời trình bày của bà M, bà M trả cho bà N 45.000.000 đồng thay cho bà N là có căn cứ. Với những tình tiết nêu trên có căn cứ xác định bà M trả 45.000.000đồng cho bà N thay cho bà N nên chấp nhận kháng cáo của bà N đối số tiền 45.000.000đồng.

Đối với số tiền 36.000.000đồng tiền hụi bà N thừa nhận có thiếu bà N thể hiện biên nhận ngày 15/12/2015 (BL 14). Bà không thừa nhận chữ ký và viết biên nhận, bà N không yêu cầu giám định chữ ký và bà N cho rằng số tiền trên không phải tiền hụi mà là tiền lãi 03 tháng của số tiền 45.000.000 đồng, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà N cũng không thừa nhận, cho nên không chấp nhận kháng cáo của bà N đối với số tiền 36.000.000đồng.

[2] Từ những căn cứ nêu trên chấp nhận chấp nhận một phần kháng cáo của bà N. Sửa bản án sơ thẩm số: 40/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nhung trả cho bà Nguyễn Thanh Minh N số tiền nợ hụi 36.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Minh N yêu cầu bà N trả số tiền vay 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

[3] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 470, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Thị Hồng N.

Sửa bản dân sự sơ thẩm số: 40/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Minh N

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nhung trả cho bà Nguyễn Thanh Minh N số tiền nợ hụi 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Minh N
yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N trả số tiền vay 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng)

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thanh Minh N về việc tính lãi 1% của số tiền 81.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án dân sự (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí

Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh Minh N phải chịu 2.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận trừ đi số tiền tạm ứng án phí 3.152.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008975 ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình M. Bà Nguyễn Thanh Minh N được nhận lại số tiền 902.000đồng (chín trăm lẻ hai nghìn đồng)

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Hồng N do bà thuộc trường hợp người cao tuổi.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND TX. BM;
- VKSND TX. BM;
- Chi cục THADSTX. BM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngừng